

Số: 45 /2016/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ học kỳ II năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Xét Tờ trình số 3258/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ học kỳ II năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ học kỳ II năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như sau:

1. Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ học kỳ II năm học 2016-2017:

Đơn vị tính: 1.000đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mức thu học phí	
	Vùng thành thị (phường thuộc thành phố, thị trấn thuộc huyện)	Vùng nông thôn (các xã còn lại trong tỉnh)
1. Giáo dục mầm non	60	30
2. Giáo dục phổ thông		
a) Trung học cơ sở (kể cả hệ bổ túc văn hóa)	65	35
b) Trung học phổ thông (kể cả hệ bổ túc văn hóa)	70	40

2. Mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ cao đẳng (viết tắt là CĐ), trung cấp (viết tắt là TC) tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ học kỳ II năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 như sau:

a) Mức thu học phí Trường Trung cấp Y tế Tây Ninh

Đơn vị: 1.000 đồng/sinh viên/tháng

Khối, ngành	Mức thu học phí				
	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021
Y dược	470	520	580	630	700

b) Mức thu học phí Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Tây Ninh

Đơn vị: 1.000 đồng/sinh viên/tháng

Khối, ngành	Mức thu học phí				
	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021
Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông lâm, thủy sản	320	360	400	430	480

Khối, ngành	Mức thu học phí				
	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021
Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch	380	420	460	510	570

c) Mức thu học phí Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh

Đơn vị: 1.000 đồng/sinh viên/tháng

Khối, ngành	Mức thu học phí				
	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021
Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông lâm, thủy sản	270	290	320	350	390
Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch	310	350	380	420	470

d) Mức thu học phí Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh

Đơn vị: 1.000 đồng/sinh viên/tháng

Khối, ngành	Mức thu học phí									
	Năm học 2016- 2017		Năm học 2017- 2018		Năm học 2018- 2019		Năm học 2019- 2020		Năm học 2020- 2021	
	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ
Kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện lạnh	270	310	300	350	330	380	370	420	410	470

Khối, ngành	Mức thu học phí									
	Năm học 2016-2017		Năm học 2017-2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
	TC	CD	TC	CD	TC	CD	TC	CD	TC	CD
Kỹ thuật điện tử, công nghệ ô tô, bảo trì, lắp đặt, chế tạo, sửa chữa	270	310	300	350	330	380	370	420	410	470
Công nghệ thông tin, khách sạn, du lịch	270	310	300	350	330	380	370	420	410	470

d) Mức thu học phí Trường Trung cấp nghề khu vực Nam Tây Ninh

Đơn vị: 1.000 đồng/sinh viên/tháng

Khối, ngành	Mức thu học phí				
	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông lâm, thủy sản	180	200	220	240	270
Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch	220	240	260	290	320

3. Thống nhất thông qua đối tượng và mức miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ học kỳ II năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 theo tiêu chuẩn của địa phương (phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào Nghị quyết này để triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

2. Từ năm học 2017-2018 trở đi, mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập sẽ được UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 của

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, nhưng mức thu không vượt quá khung thu học phí do Chính phủ ban hành và báo cáo lại HĐND tỉnh tại phiên họp gần nhất.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa IX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa VII, kỳ họp thứ 22 về Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Nghị quyết số 47/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa VIII, kỳ họp thứ 3 về Quy định mức thu, hỗ trợ học phí đào tạo giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề từ năm học 2012-2013 trở đi.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Công tác ĐB-UBTVQH;
- Vụ Pháp chế-Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT.HĐND Tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Vp.UBND Tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP.HĐND.



Nguyễn Thành Tâm



PHỤ LỤC

QUY ĐỊNH VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ,
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 45 /2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Đối tượng được miễn học phí

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên có cha mẹ hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông; học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên có cha, mẹ hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông; học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con hộ thoát nghèo được tiếp tục hỗ trợ các chính sách giảm nghèo thêm 02 năm tiếp theo kể từ khi có quyết định công nhận hộ thoát nghèo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khuyết tật hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con của hạ sĩ quan và binh sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân: theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 20/2012/TTLT-BQP-BTC ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với gia đình hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

2. Đối tượng được giảm 50% học phí

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông; học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên là con hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông; học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con hộ thoát nghèo được tiếp tục hỗ trợ các chính sách giảm nghèo thêm 02 năm tiếp theo kể từ khi có quyết định công nhận hộ thoát nghèo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.